TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 312/2026/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 335/2026/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Lê Quang T, sinh ngày 12/07/1987, CCCD số 04208701xxxx; địa chỉ thường trú: Thôn VP, xã CX, tỉnh HT; tạm trú: Tổ 4, khu phố TH 6, phường BP, Thành phố Đồng Nai.

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/9/1988, CCCD số 04218800xxxx; địa chỉ thường trú: Thôn VP, xã CX, tỉnh HT; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Xuân C, tổ 5, khu phố Ô Đ, phường TH, Thành phố HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 05/2011, quyển số 01 ngày 18/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã CQ, huyện CX, tỉnh HT (nay là xã CX, tỉnh HT).

Ngày 02/7/2026, ông T và bà H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/8/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh, ông T và bà H đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/8/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Hiếu B, sinh ngày 31/01/2012 và Lê Quang Đăng Kh, sinh ngày 10/07/2018 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007832 ngày 07/08/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh
- UBND xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Võ Thành Hiệp